

NAM BỘ CỦA VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ HỘI NHẬP QUỐC TẾ

Võ Văn Sen, Trần Nam Tiến

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – ĐHQG-HCM

TÓM TẮT: Nam Bộ nằm trong tiểu vùng sông Mekong, 3 mặt tiếp giáp biển, ở vào vị trí trung tâm của khu vực Đông Nam Á, thuận lợi cho giao thương quốc tế, nhất là các nước ASEAN cả trên đất liền lẫn đường biển. Từ vị trí địa lý thuận lợi cộng với sự ưu đãi của thiên nhiên, nên từ rất lâu Nam Bộ đã trở thành vùng kinh tế hàng hóa lớn của cả nước, hướng mạnh vào xuất khẩu và tiếp cận tham gia hội nhập khu vực và quốc tế từ rất sớm trong lịch sử. Trong thập niên đầu thế kỷ XXI, vùng đất Nam Bộ tiếp tục có những bước phát triển quan trọng, vẫn giữ vai trò và vị thế rất lớn trong tiến trình hội nhập khu vực và quốc tế của Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa – hiện đại hóa. Từ nhận thức trên, bài viết sẽ tập trung trình bày quá trình hội nhập của Nam Bộ trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước hiện nay, từ đó rút ra những đặc điểm, luận giải khoa học, dự báo xu hướng phát triển của vùng đất Nam Bộ làm cơ sở để xác định vị thế và vai trò của vùng đất này trong tiến trình hội nhập khu vực và thế giới của Việt Nam thời kỳ mới.

Từ khóa: Nam Bộ, hội nhập quốc tế.

1. Nam Bộ giữ vai trò đầu tàu, cùng cả nước thực hiện công cuộc Đổi mới, tiến lên công nghiệp hóa - hiện đại hóa, giữ vị trí và vai trò quan trọng trong tiến trình hội nhập quốc tế của Việt Nam

Nam bộ là vùng đất nằm trong địa bàn phía nam bán đảo Đông Dương, là phần lãnh thổ cực Nam của Tổ quốc Việt Nam. Xét về mặt hành chính, Nam bộ là khu vực bao gồm 19 tỉnh thành (17 tỉnh và 2 thành phố trực thuộc trung ương) trên tổng số 63 tỉnh thành của cả nước. Nam bộ được chia làm hai bộ phận: Đông Nam bộ với 5 tỉnh và 1 thành phố trực thuộc trung ương (Bà Rịa – Vũng Tàu, Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, TP. Hồ Chí Minh); Tây Nam bộ với 12 tỉnh và 1 thành phố trực thuộc trung ương (Long An, Đồng Tháp, Tiền Giang, An Giang, Bến Tre, Vĩnh Long, Trà Vinh, Hậu Giang, Kiên Giang, Sóc

Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau và thành phố Cần Thơ).

Do vị thế đặc biệt của một “bán đảo của bán đảo” (ba mặt giáp biển: Đông, Nam và Tây Nam), có sự kết hợp giữa đất liền và biển đảo, tạo điều kiện thuận lợi cho sự giao lưu kinh tế – văn hóa giữa vùng đất Nam bộ với các quốc gia, vùng lãnh thổ trong khu vực cũng như trên thế giới, để rồi lịch sử hình thành và phát triển của Nam bộ mang đầy đủ những yếu tố “nội sinh” và “ngoại sinh”, đan xen với nhau, tạo thành một sắc thái đặc biệt hết sức độc đáo trên mọi bình diện. Nam bộ từ khi bắt đầu có sự sống của con người đã xác lập các mối quan hệ với điều kiện tự nhiên, môi trường, sinh thái; quan hệ về nhân chủng, dân cư – tộc người; quan hệ kinh tế và văn hóa với các nước láng giềng trong khu vực Đông Nam Á, rồi mở rộng

ra cả phương Đông lẫn phương Tây. Xét trên phương diện quốc gia, liên quốc gia và thế giới, Nam bộ “ở vào vị trí địa lý mang tính đầu mối giao thông tự nhiên và là nơi gặp gỡ của các đường thiên di cư dân, nơi giao thoa của các nền văn hóa của khu vực Đông Nam Á và cả vùng Đông Á và Nam Á” [14]. Các sử gia phương Tây từng nhìn nhận Nam bộ là “ngã ba đường của các dân tộc và các nền văn minh”, là “ngã ba đường của các nền nghệ thuật”, là nơi hội tụ của những luồng văn minh phương Đông, phương Tây [20].

Trải qua quá trình lịch sử từ thời tiền sử đến sự tồn tại của vương quốc Phù Nam, Chân Lạp, rồi Đại Việt, Việt Nam với nhiều cơ tầng văn hóa khác nhau, đã hình thành nên một sự phức hợp, đa dạng và phong phú của văn hóa Nam bộ mà nét nổi bật là sự hỗn dung văn hóa giữa các yếu tố “nội sinh” và “ngoại sinh”, trong đó khả năng “bản địa hóa” đóng vai trò chủ đạo trong quá trình tiếp biến văn hóa từ bên ngoài. Trên nền tảng đó, Nam bộ luôn đóng vai trò quan trọng trong tiến trình Việt Nam hội nhập khu vực và thế giới.

1.1. Giai đoạn 1986-1995

Từ năm 1986, khi công cuộc Đổi mới của Đảng và Nhà nước ta được tiến hành, Nam bộ, với những tiềm năng, lợi thế to lớn, cùng với vị trí địa lý kinh tế độc đáo đã mở ra triển vọng mới cho sự tăng trưởng nhanh, phát triển toàn diện, cùng với thành phố Hồ Chí Minh làm động lực cho sự phát triển của cả nước. Trong quá trình hội nhập vào khu vực và thế giới Nam bộ đã và đang phát huy lợi thế, tạo nên thế mạnh của mình theo cơ cấu kinh tế mở, gắn với nhu cầu thị trường trong và ngoài nước, tạo ra động lực thúc đẩy sự chuyển dịch nhanh cơ cấu nền kinh tế quốc dân theo chiều hướng tích cực mà còn góp phần ổn định nền kinh

tế vĩ mô, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của cả nước.

Thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, những 1986 – 1995 các tỉnh, thành ở Nam bộ đã nỗ lực thực hiện 3 chương trình kinh tế lớn, đổi mới cơ chế quản lý nông nghiệp, phát huy vai trò chủ động trong sản xuất của người lao động, phát triển nền kinh tế đối ngoại, tạo động lực hội nhập khu vực và thế giới. Nhiều tỉnh, thành ở Nam bộ, đặc biệt là thành phố Hồ Chí Minh đã tổ chức, sắp xếp lại nền kinh tế và hướng nền kinh tế ra ngoài để tìm một “cú hích” mạnh về tài chính, hợp tác chuyên giao công nghệ- khoa học kỹ thuật, hướng xuất khẩu nhằm đẩy nhanh tiến độ công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước. Các tỉnh, thành ở Nam bộ đều xem mục tiêu hội nhập kinh tế khu vực và thế giới là mục tiêu chiến lược - động lực phát triển tất yếu. Trong đó, mỗi địa phương đều tập trung phát huy thế mạnh của mình trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, nhất là phát triển nền kinh tế nông nghiệp.

Do phát huy đầy đủ những thế mạnh của mình, qua 10 năm đổi mới (1986 - 1995) hoạt động kinh tế đối ngoại của Nam bộ có phần khởi sắc, đã đóng góp nhất định trong việc nâng cao chất lượng cuộc sống người dân của vùng cũng như đã thu được một nguồn ngoại tệ quan trọng trong việc phát triển ngoại thương của Việt Nam. Từ năm 1988, Nam bộ bắt đầu thu hút nguồn vốn FDI (foreign direct investment), chủ yếu tập trung vào TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Long An... Về xuất khẩu của Nam bộ từ năm 1985 đến năm 1995 tăng trưởng cao so với 10 năm trước đó, cụ thể tăng trưởng đạt 631,2% và giá trị tăng hơn 6 lần so

với giá trị năm 1986: 118 triệu USD, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu bình quân hàng năm là 47,9% [12]. Về tốc độ tăng trưởng nhập khẩu ở Tây Nam Bộ từ năm 1980 đến 1990 có giá trị kim ngạch tăng 325,5% (so với năm 1986), tốc độ bình quân hàng năm là 43,7%; thời kỳ 1991-1995, giá trị kim ngạch tăng 388,7% và tốc độ tăng bình quân hàng năm từ 1986-1995 là 38,8% [12].

Bước đầu, hoạt động kinh tế đối ngoại đã trở thành động lực thúc đẩy phát triển Nam bộ, nhanh chóng cải thiện chất lượng nguồn nhân lực, cũng như thay đổi cách ứng xử hành chính cho phù hợp với yêu cầu của hoạt động kinh tế đối ngoại. Các tỉnh, thành tích lũy phần nào kinh nghiệm, phát huy lợi thế so sánh truyền thống của Nam bộ đang có, chú trọng hơn vào sự quan tâm của các nhà đầu tư quốc tế như chi phí vận chuyển, cơ hội mậu dịch, lao động chất lượng... Việc phát triển kinh tế ở Nam bộ đã có tác động tích cực đến đời sống người dân, góp phần nâng cao giá trị hàng hoá, khai thác các thế mạnh của vùng và giải quyết những vấn đề về kinh tế, chính trị, xã hội ở Nam bộ, từ đó góp phần ổn định để tạo ra những tiền đề kinh tế - xã hội cho Nam bộ và cả nước hội nhập vào khu vực và thế giới.

Bước vào thực hiện phương hướng, nhiệm vụ và các mục tiêu nêu trên, nền kinh tế nước ta nói chung, ở Nam bộ nói riêng, gặp một số khó khăn lớn là, trong khi chưa ra khỏi khủng hoảng và lạm phát, Mỹ và các thế lực thù địch vẫn tiếp tục cấm vận và bao vây kinh tế thì Liên Xô tan rã, các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu sụp đổ. Các khoản viện trợ quốc tế cũng như thị trường xuất khẩu và nhập khẩu bị thu hẹp đáng kể. Tổng mức lưu chuyển ngoại thương của nước ta với khu vực đồng Rúp giảm sút rõ rệt. Cụ thể trong cả năm

1991 cả nước chỉ đạt 366,4 triệu rúp, bằng 15,1% năm 1990, trong đó xuất khẩu 77,3 triệu rúp, bằng 7,3%; nhập khẩu 289,1 triệu rúp, bằng 21,0% [19]. Nhiều chương trình hợp tác liên doanh với khu vực này đã đổ vỡ hoàn toàn. Các khoản viện trợ không hoàn lại và cho vay ưu đãi đột ngột chấm dứt.

Tuy nhiên, bên cạnh khó khăn, Nam bộ còn có những thuận lợi rất cơ bản. Đường lối đổi mới được triển khai và bước đầu đã phát huy tác dụng tích cực. Kinh nghiệm tổ chức, quản lý và điều hành nền kinh tế hàng hoá vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa từng bước được tích lũy. Các đơn vị kinh tế cơ sở sau một thời gian chao đảo đã dần dần thích nghi được với cơ chế quản lý mới. Quá trình mở cửa và hội nhập với bên ngoài cũng thu được kết quả nhất định. Tất cả những điều đó đã tạo nên sức mạnh vật chất và tinh thần, kinh nghiệm và lòng tin để tiếp tục sự nghiệp đổi mới ở Nam bộ.

Tiếp tục thực hiện đường lối đổi mới, trên bước đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa Nam bộ đã ra sức phát huy thế mạnh liên kết vùng, nhất là sự liên kết giữa Thành phố Hồ Chí Minh với các tỉnh Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương thành khu vực kinh tế lớn; liên kết với các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, vựa lúa lớn nhất của cả nước; liên kết với các tỉnh miền Đông Nam Bộ, Tây Nguyên, nơi có tiềm năng rừng và công nghiệp rất lớn... Nam bộ là một trong những vùng thu hút vốn đầu tư của nước ngoài lớn nhất và đang ra vươn lên thành một trung tâm kinh tế năng động nhất của cả nước, đúng với tầm cỡ của

mình. Tuy vậy trong giai đoạn những năm đầu của công cuộc đổi mới (1986-1995) hoạt động của các ngành dịch vụ, du lịch của Nam bộ so với khu vực và thế giới vẫn còn nhiều hạn chế, nhìn chung chỉ phát triển nội bộ với mô hình chủ yếu là du lịch sinh thái (trùng lập), thiếu quy hoạch chiến lược tổng thể cũng cơ sở hạ và mô hình mới, nhất là chưa phát huy các lợi thế hội nhập kinh tế, đáp ứng đủ nhu cầu: cảng hàng không quốc tế, cảng biển quốc tế, dịch vụ vận tải quốc tế...

Từ năm 1985, được sự chỉ đạo của Trung ương (Nghị quyết 37 của Bộ Chính trị về chính sách khoa học và kỹ thuật) các tỉnh, thành ở Nam bộ đã phát triển công tác khoa học kỹ thuật một cách toàn diện, “góp phần tổ chức lại sản xuất, tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng nhanh hàng xuất khẩu có giá trị, xây dựng con người mới và nền văn hóa mới, kết hợp nghiên cứu ứng dụng với nghiên cứu cơ bản, kết hợp khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật với nghiên cứu khoa học xã hội và khoa học quản lý nhằm góp phần thực hiện nhiệm vụ chính trị của thành phố, đồng thời tạo ra những khả năng mới cho sự phát triển của thành phố và khu vực” [6].

Nhiều tỉnh, thành thực hiện tốt việc hợp tác về khoa học – kỹ thuật và chuyển giao công nghệ. Tính đến cuối năm 1995, các đơn vị khoa học – kỹ thuật trong vùng như Đại học Cần Thơ, Đại học An Giang, Viện cây trồng miền Nam, Đại học Nông nghiệp 4... đã triển khai nhiều chương trình hợp tác quan trọng, đi sâu nghiên cứu giống cây, giống con, sớm đề ra chương trình nghiên cứu vi sinh và ứng dụng có hiệu quả trong sản xuất, bảo vệ thực vật, đã góp phần quan trọng hình thành vùng lúa cao sản ở Tiền Giang và một số nơi, bước đầu xây dựng mô hình tổ chức liên hợp khoa

học - sản xuất. Chương trình quy hoạch tổng thể đồng bằng sông Cửu Long đang triển khai với các kết luận bước đầu sẽ mang đến cho tương lai vùng đất đầy hứa hẹn này những cơ sở khoa học đặc biệt quan trọng. Các ngành khoa học quản lý, khoa học xã hội phối hợp với khoa học tự nhiên đã góp phần xây dựng đề án cải tiến cơ chế quản lý kinh tế, phương án phân công phân cấp hợp lý, xây dựng Nghị quyết của các Tỉnh ủy, Thành ủy về công nghiệp và khoa học kỹ thuật, phát triển đồng bằng sông Cửu Long...

Công tác nghiên cứu khoa học và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật không chỉ thu hẹp trong một số nhà khoa học, cán bộ quản lý mà đã thành phong trào trong công dân, thanh niên. Riêng tại Thành phố Hồ Chí Minh, năm 1985 đã có hơn 50.000 cán bộ có trình độ đại học và trên đại học (1/6 của lực lượng cán bộ kỹ thuật cả nước), 65.000 công nhân kỹ thuật, so với năm 1976, tăng gấp 3 lần. Trong quá trình xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật, các tỉnh, thành ở Nam bộ đã kết hợp nghiên cứu với giảng dạy, làm thử, ứng dụng vào sản xuất, vừa nâng cao trình độ chính trị, vừa rèn luyện sâu về chuyên môn. Cách làm đó, dần dần xây dựng ý thức sử dụng, phát huy khoa học kỹ thuật từ cơ sở, cả trong cán bộ quản lý và trong cán bộ chuyên môn kỹ thuật.

Nhìn chung, công tác nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ khoa học – kỹ thuật ở Nam bộ có sự phối hợp giữa các cơ sở nghiên cứu khoa học trên địa bàn, thực hiện thành công nhiều đề tài về nghiên cứu khoa học và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong các ngành giáo dục, y tế, thủy lợi, kiến trúc v.v... đã có hiệu quả thiết thực

phục vụ đời sống sản xuất. Một số công trình có tầm cỡ, được nhiều hội nghị quốc tế công nhận, được nhiều phần thưởng quốc tế. Những thành tựu về khoa học và công nghệ của Nam bộ trong giai đoạn 1985-1995 đã thúc đẩy Nam bộ và Việt Nam hội nhập với ASEAN và với các nước khác trên thế giới, góp phần mình cùng với sự nghiệp chung của cả nước.

Nam bộ đã thành công trong việc mở cửa hội nhập quốc tế, góp phần phá thế bao vây, cấm vận kinh tế và thương mại, đúng vào thời kỳ thế giới chuyển từ đối đầu sang đối thoại. Công cuộc đổi mới của nước ta nói chung và ở Nam bộ nói riêng đã thu được những thành tựu quan trọng thể hiện vị trí quan trọng và năng động của Nam bộ, làm cho vị thế nước ta trên trường quốc tế được nâng lên rõ rệt; ngày 11-7-1995 Mỹ đã tuyên bố bình thường hoá quan hệ ngoại giao với nước ta; Liên minh Châu Âu đã ký Hiệp định chung về hợp tác kinh tế, thương mại và khoa học kỹ thuật vào ngày 12-7-1995; ngày 28-7-1995 nước ta đã trở thành thành viên thứ 7 của Hiệp hội các nước Đông Nam Á. Tất cả những điều đó đã tạo môi trường thuận lợi để chúng ta thực hiện phương châm “*Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển*”. Trong những thành tựu quan trọng của Việt Nam trong quá trình hội nhập khu vực và thế giới, có vai trò to lớn của vùng đất Nam Bộ.

1.2. Giai đoạn từ 1996 đến nay

Trong giai đoạn đổi mới, tiếp tục phát huy truyền thống năng động giao lưu với thế giới, các tỉnh thành Nam bộ tiếp tục đóng vai trò tiên phong. Với những lợi thế vốn có, Nam Bộ là nơi thu hút vốn đầu tư nước ngoài mạnh nhất so với

cả nước. Số dự án đầu tư vào riêng TP. Hồ Chí Minh chiếm khoảng 1/3 tổng số dự án đầu tư nước ngoài trên cả nước. Những năm đầu của thập niên 90, trong lúc Mỹ còn cấm vận, chưa quan hệ bình thường với Việt Nam, các tập đoàn kinh tế lớn chưa dám đầu tư nhiều ở Việt Nam, thì TP. Hồ Chí Minh là nơi đi đầu trong việc lập các *khu chế xuất* và *khu công nghiệp* nhằm thực hiện chủ trương mở cửa, thu hút vốn đầu tư phát triển sản xuất, xuất khẩu và giải quyết lao động thất nghiệp... Việt Nam hiện có 9 địa phương có khu chế xuất, thì Nam bộ đã chiếm tới 7 là TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Bình Phước, Cần Thơ, Đồng Nai, Long An, Tây Ninh. Tính đến hết năm 2008, 3 khu chế xuất và 12 khu công nghiệp TP. Hồ Chí Minh, với 244.579 lao động, đã thu hút được 1.143 dự án đầu tư với tổng vốn đăng ký là 4,36 tỷ USD, trong đó đầu tư nước ngoài gồm 463 dự án với vốn đầu tư là 2,63 tỷ USD [10]. Kim ngạch xuất khẩu của các khu chế xuất và khu công nghiệp TP. HCM chiếm trên 17 tỉ USD; sản phẩm xuất đi trên 50 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó thị trường chủ yếu là Mỹ, Nhật Bản, châu Âu và ASEAN.

Trên lĩnh vực thị trường chứng khoán tiếp thu kinh nghiệm của phương Tây, tuy theo quy hoạch tổ chức thì Hà Nội được giao làm trước (Sở chứng khoán được thành lập ở Hà Nội năm 1998, ở TP. Hồ Chí Minh năm 2000), nhưng trong quá trình triển khai, thực tế TP. Hồ Chí Minh vẫn sôi động hơn, và mọi sự phát triển, điều chỉnh sau đó vẫn phải lấy TP. Hồ Chí Minh làm thí điểm. Việc xây dựng chỉ số RPI (*Real estate Price Index* - Chỉ số giá bất động sản) cho thị trường bất động sản là công việc

mới mẻ, chưa có tiền lệ, vì vậy Bộ Xây dựng dự kiến lựa chọn TP. Hồ Chí Minh, là địa phương có thị trường bất động sản sôi động nhất để thực hiện thí điểm từ đó rút kinh nghiệm nhân rộng tính toán ra phạm vi cả nước [13]. Nhiều dịch vụ tín dụng hiện đại được đưa vào ứng dụng khởi đầu từ TP. Hồ Chí Minh (như mạng lưới thanh toán thông qua thẻ ATM). Hình thức kinh doanh kiểu *siêu thị* (supermarket) du nhập vào TP. Hồ Chí Minh trước nhất (những năm 1993-1994), đến đầu năm 1995 mới xuất hiện các siêu thị ở Hà Nội, đến 1997 mới phổ biến rộng rãi các thành phố lớn trên cả nước. Thành công này có được là nhờ lối kinh doanh bài bản, dịch vụ khách hàng tốt học được từ quá trình giao lưu văn hoá thương mại. Cho đến nay TP. Hồ Chí Minh cũng là nơi có số lượng siêu thị nhiều nhất - 54 siêu thị, trong khi Hà Nội chỉ có 22 siêu thị [16].

Hiệu quả của sự giao lưu tiếp biến trên lĩnh vực văn hoá, kinh tế có thể thấy rõ qua danh sách 100 người giàu nhất Việt Nam trên sàn chứng khoán năm 2006 và 2007 [1]. Trong danh sách năm 2006 có 76 người thuộc về những công ty hoạt động ở Tp. Hồ Chí Minh và Nam Bộ (riêng TP. Hồ Chí Minh là 69 người). Còn trong danh sách năm 2007 thì có 60 người thuộc về những công ty hoạt động ở Nam Bộ (riêng TP. Hồ Chí Minh là 56 người). Trên lĩnh vực văn hoá tổ chức đời sống, sự giao lưu tiếp biến giữa Nam bộ với thế giới dễ nhìn thấy nhất là trong lĩnh vực kiến trúc đô thị.

Khu đô thị Phú Mỹ Hưng trải dài 18 km, với tổng diện tích là 2.600 ha được phân chia thành 21 phân khu chức năng, với xương sống là đại lộ Nguyễn Văn Linh có lộ giới 120 m, được Công ty Phú Mỹ Hưng (liên doanh với CT&D Đà Loan, được cấp Giấy phép đầu tư năm 1993) xây dựng

trong 15 năm trên vùng đất chua phèn nguyên sơ ở xã Phú Mỹ huyện Nhà Bè đã trở thành một mẫu mực cho cả nước về sự phát triển đô thị có tổ chức, gần gũi với thiên nhiên, thân thiện với con người. Phú Mỹ Hưng đã tạo nên một bước đột phá cho thị trường bất động sản, mở ra kiểu kinh doanh bất động sản theo cách “làm ăn lớn”. Nhận nhiều giải thưởng trong nước và quốc tế, được công nhận là “khu đô thị kiểu mẫu” của Việt Nam.

Cầu Mỹ Thuận bắc qua sông Tiền dài hơn 1,5 km – với kiểu dáng kiến trúc duyên dáng, khánh thành năm 2000, là kết quả sự hợp tác và giúp đỡ của Chính phủ Úc. Nhà ga Hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất, khánh thành năm 2007 – công trình sân bay đầu tiên được trang bị hệ thống điện tử hiện đại, với nhiều tiện ích và thân thiện, là do Nhật Bản thiết kế và thi công. Cầu Cần Thơ là cây cầu bắc qua sông Hậu, nối thành phố Cần Thơ và tỉnh Vĩnh Long. Đây là cầu dây văng có nhịp chính dài nhất tại khu vực Đông Nam Á, là công trình lớn nhất trên Quốc lộ 1, được khởi công xây dựng ngày 25/9/2004 và hoàn thành vào 4/2010. Cầu Phú Mỹ là cây cầu dây văng lớn nhất thành phố Hồ Chí Minh bắc qua sông Sài Gòn nối Quận 2 và Quận 7, thuộc đường vành đai ngoài của của Thành phố Hồ Chí Minh. Tổng mức đầu tư 2.076 tỷ đồng. Đây là cây cầu dây văng có 6 làn xe, kết nối Khu đô thị mới Thủ Thiêm và Khu đô thị Phú Mỹ Hưng, nối Quận 7 với Quận 2 và Quận 9. Cầu cũng giúp việc lưu thông trên Quốc lộ 1A đoạn từ miền Bắc và miền Trung đi đồng bằng sông Cửu Long đi qua địa phận thành phố Hồ Chí Minh được rút ngắn, cùng với cầu Phú Mỹ và các đường vành đai nối đến cầu góp phần

làm giảm sự quá tải cho hệ thống giao thông đường bộ ở TP.HCM, khi ấy các xe tải loại lớn và xe container sẽ không chạy trong nội thành nữa, góp phần vào việc giảm ô nhiễm cho nội thành. Cầu Phú Mỹ đưa vào sử dụng từ năm 2009 không chỉ là một công trình trọng điểm của Việt Nam, mà còn là công trình cầu dây văng hiện đại nhất thế giới. Kênh truyền hình nổi tiếng thế giới Discovery Channel đã có những chương trình nói về cầu Phú Mỹ [8].

Hầm Thủ Thiêm là một đường hầm vượt sông Sài Gòn đang được xây dựng tại Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là một phần trong dự án Đại lộ Đông Tây nối Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh với Khu đô thị mới Thủ Thiêm. Đường hầm có sáu làn xe ô tô, được chìm dưới lòng sông Sài Gòn (có ngậm đáy sông). Nguồn vốn đầu tư từ Hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) của chính phủ Nhật Bản có vốn đối ứng của Chính phủ Việt Nam. Tổng thầu thi công là liên danh các nhà thầu Nhật Bản. Theo quy hoạch, Khu đô thị mới Thủ Thiêm được kết nối với đô thị hiện hữu bằng một số cây cầu như: Cầu Thủ Thiêm nối Quận Bình Thạnh, cầu Ba Son nối với Quận 1, Cầu Phú Mỹ nối với Quận 7 và một cây cầu nữa nối với Quận 4.

Đại lộ Đông - Tây thành phố Hồ Chí Minh là một tuyến đường đi qua trung tâm thành phố Hồ Chí Minh, được khôi phục, nâng cấp từ tuyến đường hiện hữu và xây dựng thêm tuyến đường mới để tạo thành một trục đường mới ra vào phía Nam theo hướng Đông - Tây, nhằm giảm ách tắc giao thông cho cầu Sài Gòn và các trục chính trong thành phố. Tuyến đường này đáp ứng yêu cầu lưu thông cho các cảng của thành phố đi các nơi theo hướng Đông Bắc - Tây Nam và các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long, tạo trục giao thông

sang Thủ Thiêm, và cải thiện môi trường ven kênh mà nó đi qua, tăng vẻ mỹ quan cho thành phố.

Đại lộ chạy dọc theo kênh từ quốc lộ 1A huyện Bình Chánh đến ngã ba đường Yersin - Chương Dương gần cầu Calmette, quận 1; vượt sông Sài Gòn bằng hầm Thủ Thiêm và nối với xa lộ Hà Nội tại Ngã ba Cát Lái, quận 2. Chiều dài toàn tuyến là 21,89 km, đi qua địa bàn các quận 1, 2, 4, 5, 6, 8, Bình Tân và huyện Bình Chánh, tạo thành một tuyến trục giao thông Đông - Tây, và kết nối hai đầu Đông Bắc - Tây Nam thành phố. Đại lộ Đông - Tây tạo điều kiện thuận lợi cho các phương tiện giao thông ra vào cảng Sài Gòn và từ đây đi các tỉnh miền Đông và miền Tây không phải đi vào trung tâm thành phố. Đây được xem là con đường huyết mạch liên kết chặt chẽ các địa phương trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và xa hơn nữa là các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long.

Đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương là một công trình nối thành phố Hồ Chí Minh với Tiền Giang nói riêng và các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long nói chung. Đây là một phần của tuyến đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương - Cần Thơ. Toàn tuyến dài 61,9 km được thiết kế 8 làn xe, tốc độ thiết kế theo tiêu chuẩn quốc tế là 120km/h. Tháng 1/2010, đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương được thông xe đưa vào khai thác, trở thành đường cao tốc đầu tiên của Việt Nam.

Hoạt động đường không ở Nam bộ, tập trung nhất là tại sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, từ sau năm 1997 đến nay, trên nhiều lĩnh vực hoạt động của ngành hàng không Nam bộ thông qua

mối quan hệ hợp tác và hội nhập kinh tế quốc tế được mở rộng về qui mô và chất lượng, như đổi mới khoa học công nghệ, chất lượng dịch vụ, hoạt động bay an toàn, phát triển cơ sở hạ tầng; hợp tác liên danh, liên kết mở nhiều tuyến bay mới trong nước và quốc tế giữa thành phố Hồ Chí Minh đi các tỉnh, thành và nhiều quốc gia trên thế giới, phục vụ ngày càng tốt hơn nhu cầu vận chuyển hàng hóa và đi lại của hành khách bằng đường hàng không. Quá trình mở rộng quan hệ hợp tác, hội nhập kinh tế quốc tế của ngành hàng không Nam bộ tạo nên những tiền đề căn bản đưa Nam bộ hội nhập và sánh vai cùng các nước trong khu vực và thế giới.

Nam bộ luôn tự hào là nơi đi đầu trong cả nước trên một số lĩnh vực văn hoá tinh thần, trong đó, không nơi nào trong cả nước có nhiều đơn vị báo chí xuất bản bằng TP. Hồ Chí Minh. Từ những năm 30, Sài Gòn đã là nơi có số lượng báo chí nhiều nhất nước (chiếm 61%). Đến nay, TP. Hồ Chí Minh tiếp tục giữ vững kỷ lục đó. Ngày nay TP. Hồ Chí Minh còn trở thành nơi đi đầu trong lĩnh vực báo chí điện tử. Báo chí TP. Hồ Chí Minh luôn gần gũi với cuộc sống, giàu tính phản biện hơn, được người đọc cả nước yêu thích. Nhiều tờ báo xuất bản ở TP. Hồ Chí Minh được bày bán ở khắp cả nước (như *Tuổi trẻ, Công an thành phố Hồ Chí Minh, Người lao động, Pháp luật thành phố Hồ Chí Minh...*).

Nam bộ, Thành phố Hồ Chí Minh là nơi xuất hiện nhiều ngành nghề mới, là sản phẩm của kinh tế kiểu thị trường phương Tây, là nơi luôn đi đầu trong việc khai phá và/hoặc quy mô phát triển các ngành nghề như tiếp thị, quảng cáo, thiết kế đồ họa, tổ chức sự kiện, thiết kế thời trang, hoạt động đa truyền thông, internet. Không một loại hình

giải trí nghe nhìn hiện đại nào của thế giới mà không có mặt ở TP. Hồ Chí Minh. Phương thức sản xuất công nghiệp theo chân văn hoá đại chúng tràn vào lĩnh vực văn hoá. Các quy trình công nghệ nhằm nâng cao năng suất và khả năng sinh lợi lên tới đa được đem áp dụng vào báo chí, truyền thanh, truyền hình, sản xuất phim ảnh. Nam bộ, TP. Hồ Chí Minh hiện đang đi đầu trong lĩnh vực xã hội hóa hoạt động nghệ thuật. TP. Hồ Chí Minh có 33 trong số khoảng 40 hãng phim tư nhân của cả nước (chiếm 82%, số còn lại ở Hà Nội) đang hoạt động khá hiệu quả. Liên tục trong 3-4 năm qua, Tết nào khán giả cũng được đón nhận 2-3 bộ phim điện ảnh do các hãng phim tư nhân TP. Hồ Chí Minh sản xuất.

Như vậy qua quá trình hội nhập, Nam bộ, đặc biệt là thành phố Hồ Chí Minh đã có những bước phá ngoạn mục không chỉ trên lĩnh vực kinh tế, mà ngay cả việc giao lưu về văn hóa. Chính văn hóa là động lực thúc đẩy Nam bộ phát triển và hội nhập. Từ trong ngọn nguồn cuộc sống của mình cư dân Nam bộ đã thích ứng với một thiên nhiên phong phú, đa dạng đã tạo ra một nền kinh tế hàng hóa suốt trong chiều dài lịch sử của vùng đất, nhất là từ sau năm 1975. Không gian văn hóa đa dạng sống động của Nam bộ được hình thành trong quá trình mở cõi ngày càng được hun đúc, đổi mới để thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của vùng đất Nam bộ.

2. Nam Bộ thời kỳ hội nhập quốc tế tiếp cận từ góc độ phát triển vùng

Trong tương quan vùng Nam Bộ, *Đông Nam Bộ* là khu vực kinh tế phát triển năng động nhất Việt Nam, dẫn đầu cả nước về kim ngạch xuất

khẩu, vốn đầu tư nước ngoài; đóng góp hơn 2/3 thu ngân sách hàng năm và có tỷ lệ đô thị hóa cao; là khu vực có vị trí thuận lợi cho phát triển kinh tế, xứng đáng được coi là đầu tàu phát triển công nghiệp của cả nước. Bên cạnh đó, Đông Nam Bộ nằm giữa Đông Nam Á, một khu vực kinh tế năng động và phát triển khá nhanh. Từ khu vực Đông Nam Bộ có thể tới tất cả các thủ đô của các nước trong khu vực Đông Nam Á chỉ mất khoảng 2-3 giờ bằng đường hàng không. Do đó, vùng Đông Nam Bộ có vị thế hết sức quan trọng cho giao lưu, hợp tác quốc tế.

Phát huy những lợi thế đó cộng với sự hỗ trợ mạnh mẽ từ các Bộ, ngành Trung ương cùng với sự quyết tâm cao của toàn thể Đảng bộ, chính quyền và nhân dân 8 tỉnh, thành phố vùng Đông Nam Bộ, ngành công thương vùng đã đạt được những kết quả đáng kể trong năm 2011; trong đó, giá trị sản xuất công nghiệp đạt trên 555 nghìn tỷ đồng và chiếm 44,68% giá trị sản xuất công nghiệp cả nước. Đồng thời, tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ đạt gần 800 nghìn tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 39% so cả nước. Trong đó, khu vực kinh tế nhà nước đạt trên 87 nghìn tỷ đồng, tăng 5,2% so với năm 2010, khu vực kinh tế ngoài nhà nước, đạt trên 183 nghìn tỷ đồng, tăng 16% so với năm 2010 và khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt trên 285 nghìn tỷ đồng, tăng 17,9% so với năm 2010 [3]. Những con số trên cho thấy, khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ở Đông Nam Bộ vẫn duy trì tỷ trọng lớn trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp của vùng và tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao, đóng vai trò quan trọng trong sản xuất công nghiệp của các tỉnh, thành phố vùng Đông Nam bộ. Các sản phẩm công nghiệp chủ yếu của khu vực Đông

Nam Bộ vẫn giữ được mức tăng trưởng khá, góp phần quan trọng vào sự tăng trưởng chung của công nghiệp toàn vùng. Trong đó, một số sản phẩm có mức tăng trưởng khá cao như: Đường, phân bón, bia, quần áo ...

Đông Nam bộ cũng là vùng thu hút tới 61% tổng số dự án và 52,7% tổng vốn đăng ký trên toàn quốc [7]. Bốn tỉnh, thành phố thuộc vùng Đông Nam bộ (TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu) cũng luôn trong nhóm 10 tỉnh dẫn đầu cả nước về thu hút đầu tư nước ngoài. Trong đó, Bà Rịa - Vũng Tàu là địa phương thu hút nhiều vốn đầu tư nhất. Năm 2008, Bà Rịa - Vũng Tàu đạt 12 tỷ USD, sang năm 2009 mặc dù bị ảnh hưởng nhiều do khủng hoảng kinh tế nhưng tỉnh vẫn thu hút hơn 6,8 tỷ USD. Bên cạnh lĩnh vực du lịch, xây dựng và kinh doanh bất động sản, xây dựng khu nghỉ dưỡng vốn chiếm ưu thế về số dự án thì các lĩnh vực công nghiệp cũng thu hút nhiều nhà đầu tư nhờ lợi thế về cảng biển và hạ tầng kỹ thuật ở Bà Rịa - Vũng Tàu. Nhiều dự án cảng đang được đẩy nhanh tiến độ thực hiện như Cảng container Cái Mép thượng - Tân cảng Sài Gòn, Cảng đạm và dịch vụ dầu khí tổng hợp...

Có thể khẳng định, sản xuất công nghiệp toàn vùng Đông Nam bộ duy trì mức tăng trưởng cao, là nền tảng thúc đẩy sự phát triển sản xuất công nghiệp cả nước. Tuy có nhiều khó khăn, thách thức, cơ cấu kinh tế công nghiệp tiếp tục chuyển biến theo hướng thu hút, khuyến khích đầu tư công nghệ kỹ thuật cao, phân bổ cơ sở sản xuất công nghiệp hợp lý ở các khu công nghiệp, cụm công nghiệp nhằm giảm ô nhiễm môi trường, giảm áp lực gia tăng

dân số cơ học ở khu trung tâm; chuyển dịch theo hướng tăng cường khả năng huy động nguồn lực, phát huy hiệu quả đầu tư của các thành phần kinh tế ngoài nhà nước và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Với tỷ trọng kinh tế ngày càng tăng so với cả nước, cho thấy Đông Nam bộ là khu vực có hoạt động kinh tế năng động, tạo động lực rất lớn cho sự phát triển kinh tế - xã hội của cả nước.

Để thúc đẩy kinh tế phát triển, các tỉnh, thành phố ở Đông Nam Bộ tiếp tục thực hiện các chính sách khuyến khích và hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp nhỏ và vừa; số lượng các doanh nghiệp nhỏ và vừa của vùng tiếp tục phát triển, góp phần quan trọng trong việc phát triển sản xuất kinh doanh, tăng trưởng kinh tế, tăng thu ngân sách, tạo nhiều việc làm và góp phần giải quyết một số vấn đề xã hội khác. Ước tính, có hơn 140 nghìn doanh nghiệp nhỏ và vừa hiện đang hoạt động trên địa bàn các địa phương vùng Đông Nam bộ, giải quyết việc làm cho hơn 3 triệu lao động. Bên cạnh đó, để đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững, cùng việc giải quyết các vấn đề phát sinh như những khó khăn về phát triển không gian đô thị, áp lực dân số - lao động, ô nhiễm môi trường, chuyển dịch cơ cấu kinh tế - công nghiệp, xuất khẩu,... các địa phương trong vùng không thể phát triển một cách độc lập, mà phụ thuộc rất lớn vào các địa phương khác trong việc phát triển các ngành công nghiệp cũng như nhiều lĩnh vực khác. Nhằm phát huy sức mạnh liên kết vùng theo xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế, các tỉnh, thành phố trong khu vực đã thực hiện đầy mạnh các hoạt động phối hợp, hợp tác phát triển giữa các địa phương trong xây dựng cơ chế, chính sách thu hút đầu tư theo hướng chuyên môn hóa; có sự phân công phân vùng cụ thể, sự phối hợp chặt chẽ

nhằm khai thác tiềm năng và thế mạnh của từng địa phương.

Trong vùng Đông Nam Bộ, *Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam* (VKTTĐPN) đóng vai trò là động lực phát triển mạnh nhất của nền kinh tế Việt Nam. Đây được xem là vùng kinh tế trọng điểm lớn nhất, là trung tâm công nghiệp, thương mại, tài chính hàng đầu cả nước. VKTTĐPN ra đời ngày 23/2/1998 theo Quyết định 44/1998/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội VKTTĐPN giai đoạn 1999 - 2010. Theo quyết định này, VKTTĐPN lúc đầu bao gồm 4 tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Đồng Nai, Bình Dương và TP. Hồ Chí Minh. Mục tiêu phát triển chủ yếu của VKTTĐPN được xác định là: xây dựng VKTTĐPN trở thành một trong những vùng kinh tế phát triển nhanh, có tốc độ phát triển kinh tế cao hơn so với các vùng khác trong nước, đi đầu trong một số lĩnh vực quan trọng, tạo động lực cho quá trình phát triển của Nam Bộ và góp phần thúc đẩy nền kinh tế cả nước. Ngày 20-21/6/2003, tại Hội nghị các tỉnh thuộc vùng VKTTĐPN, Thủ tướng Chính phủ đã quyết định mở rộng ranh giới của vùng, bổ sung 3 tỉnh Tây Ninh, Bình Phước và Long An. Tháng 9-2005, Chính phủ quyết định đưa Tiền Giang vào VKTTĐPN, để tạo thành một vùng kinh tế liên kết bao gồm 6 tỉnh Đông Nam Bộ và 2 tỉnh Tây Nam Bộ. Sự kết nối này tạo ra những lợi thế cho Vùng trong tiến trình phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế.

VKTTĐPN chiếm gần 17% dân số, hơn 8% diện tích, được xem là khu vực phát triển nhất trong cả nước cả về quy mô và hiệu quả: thu hút trên 40% tổng vốn đầu tư trong nước; 60%

tổng vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài; tỷ lệ đầu tư trên GDP chiếm 50%, cao gấp 1,5 lần so với cả nước; có nhịp độ tăng trưởng kinh tế cao hơn khoảng 1,4 - 1,6 lần so với nhịp độ tăng trưởng bình quân chung cả nước, sản xuất hơn 42% GDP, gần 40% kim ngạch xuất khẩu cả nước, đóng góp gần 60% ngân sách quốc gia [2]. Những con số nêu trên tạo cho vùng này một động lực tăng trưởng nhờ mở cửa – hội nhập mạnh mẽ. Đây là bằng chứng rõ ràng nhất về sự tin cậy của các nhà đầu tư quốc tế đối với thế mạnh, sức hấp dẫn cũng như triển vọng phát triển của VKTTĐPN. Có thể nói, vị thế địa lý – kinh tế quan trọng cùng với những yếu tố về lịch sử đã giúp VKTTĐPN trở thành vùng kinh tế mở của năng động. Với sự phát triển năng động và đa dạng, VKTTĐPN thực sự đóng vai trò động lực, thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển kinh tế của các tỉnh phía Nam nói riêng và của cả nước nói chung, đồng thời giữ vai trò là cửa ngõ kinh tế và cầu nối Việt Nam với thế giới.

Tây Nam Bộ - đồng bằng sông Cửu Long là vùng kinh tế nông nghiệp trọng điểm của cả nước luôn dẫn đầu cả nước về nhiều mặt hàng nông sản. Tây Nam Bộ được xác định là 1 trong 7 vùng kinh tế trọng điểm nước ta, hơn 25 năm sau giải phóng, đồng hành cùng quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước, các tỉnh/thành vùng Tây Nam Bộ đã tổ chức các hoạt động kinh tế đối ngoại và đạt được những kết quả có giá trị, góp phần phát triển kinh tế và ổn định chính trị xã hội. Hoạt động kinh tế đối ngoại đã góp phần khơi được dòng chảy các nguồn tài nguyên kinh tế, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế của vùng Tây Nam Bộ theo hướng công nghiệp hóa.

Về hoạt động thu hút đầu tư nước ngoài tại Tây Nam Bộ đã đạt được kết quả có giá trị, mở rộng

quy mô khai thác, sử dụng các nguồn tài nguyên kinh tế nông nghiệp, thúc đẩy nền sản xuất theo hướng công nghiệp hóa, tác động đến đời sống kinh tế xã hội của vùng. Trong những năm đầu mở cửa, mời gọi FDI, Tây Nam Bộ với sức hấp dẫn của vùng nguyên liệu nông sản, nguồn nhân công rẻ... đã được không ít nhà đầu tư chú ý. Môi trường đầu tư vùng Tây Nam Bộ được cải thiện tích cực. Năm 1988, Tây Nam Bộ có năm dự án FDI với tổng vốn đầu tư 7,8 triệu USD, chiếm 10% số dự án và 2,09% tổng vốn đầu tư của cả nước. Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, từ năm 1988-2010, Tây Nam Bộ đã thu hút 657 dự án FDI với số vốn đăng ký 9.890,9 triệu USD và vốn thực hiện được gần 30% (chỉ tính phần vốn còn hiệu lực), bằng 4,8% tổng số dự án FDI so cả nước, bằng 4,6% số vốn đăng ký trên cả nước và bằng 5% đầu tư xã hội của vùng. Riêng trong giai đoạn 2006-2010, vùng Tây Nam Bộ thu hút được 358 dự án với tổng vốn đầu tư đăng ký đạt 7,61 tỷ USD [4]. Tính đến cuối năm 2010, đã có 17 khu công nghiệp tại 13 tỉnh, thành phố trong vùng với 225 dự án đầu tư, trong đó có 75 dự án đầu tư nước ngoài. Trong đó, có 5 khu công nghiệp diện tích đất cho thuê đạt 100%, giải quyết việc làm cho hơn 70 ngàn lao động [15].

Ngoài nguồn FDI, Tây Nam Bộ còn là khu vực thu hút mạnh mẽ các nguồn vốn như nguồn ODA và nguồn vốn viện trợ từ NGOs. Từ năm 2006-2010, tổng số vốn ODA đã ký kết cho các tỉnh vùng Tây Nam bộ khoảng 1.899,8 triệu USD, trong đó vốn vay khoảng 1.700 triệu USD, vốn viện trợ không hoàn lại khoảng 99 triệu USD [4]. Các dòng vốn này đóng góp và tác động tích cực đến sự phát triển kinh tế - xã

hội của cả vùng Tây Nam Bộ. Thực tế này còn thể hiện tính hiệu quả của việc phân bổ vốn, vận động nguồn ODA và NGOs trong phát triển các lĩnh vực thiết yếu cho phục vụ kinh tế - xã hội của vùng ví dụ như: phát triển hạ tầng kinh tế, giáo dục, y tế, an sinh xã hội, nghiên cứu và phát triển, vệ sinh môi trường và nước sạch, hỗ trợ doanh nghiệp...

Xuất khẩu ở vùng Tây Nam Bộ chiếm 10% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam, tăng trưởng xuất khẩu của Tây Nam Bộ tăng cao, tăng trưởng bình quân 18,1% so với cả nước chỉ 11,8%, nhưng thực tế nếu tính theo bình quân đầu người thì đến thời kỳ này chỉ đạt gần 90USD/người/năm thấp hơn nhiều so với mức chung cả nước (khoảng 220USD/người/năm). Trong những năm qua nguồn sản phẩm xuất khẩu của vùng chủ yếu là mặt hàng gạo chiếm 90% và thủy hải sản (sơ chế) chiếm 60% [11]. Nhập khẩu, trong thời gian qua Tây Nam Bộ chủ yếu nhập các mặt hàng nguyên vật liệu phục vụ sản xuất như: phân bón, hóa chất, thiết bị, xăng dầu... tập trung vào một số doanh nghiệp nhà nước. Nhập khẩu của vùng chỉ bằng 2,5% so với cả nước, một con số rất nhỏ.

Bên cạnh đó, chỉ số năng lực cạnh tranh của các địa phương trong khu vực Tây Nam Bộ liên tục được cải thiện và nâng cao qua các năm. Chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) của các tỉnh, thành đều nằm trong nhóm khá, tốt và rất tốt trong 3 năm qua chính là động lực cho các địa phương trong vùng tăng thu hút đầu tư nguồn vốn từ bên ngoài, nắm bắt để khơi nguồn cho hoạt động đối ngoại đạt được hiệu quả cao. Năm 2008, trong số 10 tỉnh được đánh giá có cải thiện mạnh mẽ nhất thì Tây Nam Bộ có 4 tỉnh, bao gồm: Đồng Tháp, Bến Tre, Long An, Cà Mau. Năm 2009, vùng Tây Nam Bộ

được xem là nổi bật trong kết quả điều tra về chỉ số năng lực cạnh tranh cả nước với 2 tỉnh ở nhóm rất tốt. Đến năm 2010, khu vực Tây Nam Bộ được đánh giá là nhóm có nhiều cải thiện trong cả nước về công tác điều hành, thể hiện qua sự thay đổi về điểm số và thứ hạng PCI của các tỉnh. Sự tiến bộ nhanh chóng này giúp các tỉnh thành vùng Tây Nam Bộ tạo ấn tượng tốt đối với nhà đầu tư trong và ngoài nước, tạo điều kiện cho vùng hướng đến việc mở rộng đối ngoại và hội nhập cùng cả nước.

Trong thời kỳ cùng cả nước hội nhập quốc tế, vùng Tây Nam Bộ vẫn tiếp tục nắm giữ vai trò “vựa lúa” của cả nước, sản lượng lúa đạt gần 22 triệu tấn, mỗi năm Tây Nam Bộ đóng góp 90% kim ngạch xuất khẩu gạo của cả nước với trên 3 tỷ USD. Toàn vùng còn có hơn 300 ngàn ha cây ăn trái, chiếm 40% diện tích cây ăn trái cả nước. Sản lượng trái cây của Tây Nam Bộ hiện đạt 3,5 triệu tấn, tăng 1 triệu tấn so với thập niên 90 của thế kỷ XX. Cơ cấu sản xuất sản xuất trong ngành thủy sản chuyển biến theo hướng tăng tỷ trọng nuôi trồng. Tây Nam Bộ trở thành vùng nuôi và đánh bắt thủy sản lớn nhất nước. Trong đó, chiếm 80% sản lượng tôm cả nước và cá tra mang ngoại tệ về cho đất nước 1,5 tỷ USD mỗi năm [15]. Trong thập niên đầu thế kỷ XXI, tỷ trọng nông nghiệp trong cơ cấu chung của nền kinh tế có sự chuyển dịch rõ nét.

Với quyết tâm chuyển dịch cơ cấu chung nền kinh tế theo hướng công nghiệp hóa – hiện đại hóa, công nghiệp là lĩnh vực được các tỉnh trong vùng chú trọng phát triển, trong đó chú trọng đi vào khai thác thế mạnh về chế biến nông sản và phục vụ sản xuất nông nghiệp -

nông thôn. Trong thập niên đầu thế kỷ XXI, giá trị sản xuất công nghiệp Tây Nam Bộ tăng bình quân gần 19% trong 10 năm qua, đạt 156 ngàn tỷ đồng vào năm 2010 [17]. Công nghiệp cơ khí, nhất là sản xuất nông ngư cụ có bước phát triển. Mặc dù những thành tựu đạt được trên lĩnh vực công nghiệp chưa tương xứng với tiềm năng hiện có nhưng hiện tại cũng đáp ứng một phần lớn nhu cầu phục vụ canh tác và chế biến nông sản.

Trong thập niên đầu thế kỷ XXI, kinh tế các tỉnh vùng Tây Nam Bộ có sự phát triển nhanh nhờ cải thiện hạ tầng. Nhiều công trình giao thông huyết mạch được Chính phủ đầu tư trong vùng, như: đường cao tốc TP. Hồ Chí Minh - Trung Lương, các cầu Mỹ Thuận, Cần Thơ, Rạch Miễu đã góp phần làm chuyển dịch cơ cấu kinh tế Tây Nam Bộ đúng hướng, gắn với quá trình hội nhập quốc tế của cả nước. Sự thay đổi đó bao gồm cả đường thủy, đường bộ và đường hàng không. Năm 2011, cảng hàng không quốc tế Cần Thơ khánh thành, mở ra cơ hội mới cho khu vực Tây Nam Bộ. Cùng với các sân bay nội địa là Rạch Giá, Cà Mau và đặc biệt là Cảng hàng không quốc tế Phú Quốc sau khi đưa vào khai thác sẽ giúp cho khu vực Tây Nam Bộ gần hơn với các địa phương trong nước và quốc tế. Số lượng khách du lịch đến Tây Nam bộ nhờ vậy cũng đã tăng trưởng và hiện đạt gần 20 triệu lượt khách/ năm, trong đó có gần 1 triệu rưỡi khách quốc tế. Những thành tựu đạt được, đặc biệt là trong thập niên đầu thế kỷ XXI sẽ tạo tiền đề để Tây Nam Bộ phát triển mạnh hơn trong giai đoạn phát triển mới, cùng cả nước hội nhập kinh tế quốc tế.

Ở khu vực Nam Bộ, TP. Hồ Chí Minh nằm ở vị trí trung gian nối hai vùng Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ, luôn giữ vị trí, vai trò đầu tàu kinh tế của

cả vùng Nam Bộ và của cả nước. Với tinh thần năng động, sáng tạo, thành phố đã có những bước bứt phá ngoạn mục về tăng trưởng kinh tế, cùng cả nước vươn ra hội nhập kinh tế khu vực và toàn cầu. Với lợi thế vượt trội so với các thành phố lớn khác của cả nước về tiềm lực kinh tế, TP Hồ Chí Minh đóng vai trò hạt nhân của Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. TP. Hồ Chí Minh còn hội tụ nhiều yếu tố khác đặc biệt là đội ngũ trí thức đông đảo - nguồn nhân lực quan trọng chất lượng cao và hệ thống các trường cao đẳng, đại học, viện nghiên cứu... để trở thành một trung tâm công nghiệp, khoa học công nghệ, giáo dục - đào tạo, y tế và tài chính lớn trong khu vực. Nằm giữa miền Đông và Tây Nam Bộ, thành phố có đường hàng không, cảng biển, hệ thống đường bộ thuận tiện kết nối trực tiếp với các nước trong khu vực và thế giới.

Với những lợi thế nêu trên, bước vào thời kỳ đổi mới, kinh tế thành phố phát triển không ngừng và đóng góp ngày càng lớn vào nền kinh tế đất nước. Chỉ tính riêng giai đoạn 2006-2010, TP. Hồ Chí Minh đóng góp hơn 20% GDP cả nước, hơn 30% ngân sách quốc gia, gần 30% giá trị sản xuất công nghiệp, 30% tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ, 40% kim ngạch xuất nhập khẩu. Mức thu nhập bình quân của người dân thành phố năm 2010 gấp khoảng 2,5 lần so với bình quân cả nước [21]. Ngay cả trong thời kỳ khó khăn do bị ảnh hưởng bởi khủng hoảng tài chính toàn cầu, kinh tế TP. Hồ Chí Minh vẫn nhanh chóng hồi phục và bước vào giai đoạn phát triển mới, góp phần tích cực cùng cả nước ngăn chặn suy giảm kinh tế, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội.

Hiện nay, kinh tế TP Hồ Chí Minh chủ yếu dựa vào 2 khu vực công nghiệp-xây dựng (chiếm 43,9% GDP) và thương mại-dịch vụ (chiếm 54,8% GDP); một cơ cấu kinh tế phù hợp với quy hoạch và rất lý tưởng để thành phố giữ vai trò hạt nhân của Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Những kết quả đạt được trên đây đã góp phần để thành phố tiếp tục giữ vững vai trò “đầu tàu” kinh tế của khu vực và cả nước và là cơ sở để thành phố có thêm nguồn lực đầu tư phát triển, đóng góp ngày càng lớn vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước [5].

Ngay sau khi Luật Đầu tư nước ngoài được ban hành tại Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh đã là một trong những trung tâm thu hút vốn đầu tư nước ngoài (ĐTNN) lớn nhất nước. Năm 2008, làn sóng đầu tư mới tràn đến thành phố và đã lên đến đỉnh điểm với việc có thêm 508 dự án FDI được cấp phép với tổng vốn đầu tư 8,65 tỷ USD. Hiện nay, toàn thành phố có hơn 3.600 dự án FDI đang còn hiệu lực hoạt động với tổng vốn đăng ký đầu tư gần 27,8 tỷ USD. ĐTNN ở thành phố chiếm tỷ lệ khoảng 23,2% tổng mức GDP trên địa bàn; trong đó giá trị sản xuất công nghiệp chiếm gần 40%, kim ngạch xuất khẩu chiếm 25,1%, thu ngân sách nội địa chiếm 22,5%...[18] Vốn đầu tư nước ngoài vào TP. Hồ Chí Minh ngày càng khẳng định vai trò là một trong những động lực quan trọng, đóng góp hiệu quả vào sự tăng trưởng kinh tế của thành phố.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở TP. Hồ Chí Minh bước đầu đạt kết quả tích cực, từng bước tạo chuyển biến về chất trong cơ cấu kinh tế theo hướng tăng dần tỷ trọng các ngành có giá trị gia tăng và hàm lượng khoa học - công nghệ cao. Các

ngành dịch vụ có tốc độ tăng trưởng 12%/năm, cao hơn tốc độ tăng trưởng kinh tế chung. Trong đó, các ngành dịch vụ như tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, du lịch, bưu chính - viễn thông, vận tải - cảng - kho bãi, khoa học - công nghệ, giáo dục và y tế chất lượng cao tiếp tục phát triển có lợi thế cạnh tranh, chất lượng cao, giá trị gia tăng khá. Giá trị sản xuất công nghiệp giai đoạn 2006-2010 bằng 1,85 lần giai đoạn 2001 - 2005 [9]. Cùng với những lợi thế này, từ lâu nay, TP. Hồ Chí Minh vẫn là trung tâm xuất nhập khẩu lớn nhất của cả nước; tổng kim ngạch xuất khẩu của thành phố năm qua đạt 18,306 tỷ USD, chiếm khoảng 32,8% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước [18]. TP. Hồ Chí Minh cũng là một trung tâm tài chính - ngân hàng lớn nhất nước, một thị trường luôn sôi động nhất trên mọi lĩnh vực: tín dụng, ngoại hối, vàng bạc, chứng khoán, góp phần nên sự phát triển thần kỳ của nền kinh tế, góp phần quan trọng cho sự phát triển của cả nước trong thời kỳ hội nhập quốc tế.

Sự hội nhập và phát triển của TP. Hồ Chí Minh còn được nhìn từ tốc độ tăng trưởng mạnh mẽ của ngành xây dựng trong những năm gần đây với hàng loạt công trình lớn mới hoàn thành như cầu Phú Mỹ, Đại lộ Đông - Tây (giai đoạn I), cầu Thủ Thiêm, cầu Nguyễn Văn Cừ, cầu Khánh Hội, Cầu chữ Y, đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, đường cao tốc TP Hồ Chí Minh-Trung Lương, sự hình thành các khu đô thị vệ tinh mới như Thủ Thiêm, Tây Bắc, các dự án phát triển thành phố hướng ra phía biển Đông..., diện mạo của “Hòn ngọc Viễn đông” ngày càng văn minh, hiện đại. TP. Hồ Chí Minh cũng là một điểm đến thân thiện, an toàn,

hấp dẫn du khách gần xa, một trung tâm chuyên tiếp khách cho cả nước, hoạt động du lịch tại thành phố cũng ngày càng chiếm ưu thế nổi bật nhờ giữ vị trí trung tâm và có được hệ thống cơ sở hạ tầng tốt. Sự phát triển của ngành xây dựng thực sự có tác dụng lan tỏa, thúc đẩy các ngành sản xuất khác phát triển; có ý nghĩa cả trước mắt và lâu dài, tác động đến tốc độ tăng trưởng kinh tế thành phố trong tổng quan phát triển chung của cả nước. Trong quá trình phát triển, TP. Hồ Chí Minh đang nỗ lực khắc phục khó khăn, tích cực giải quyết những bức xúc của người dân thành phố để bảo đảm kinh tế tăng trưởng bền vững. Thế và lực của thành phố đang ngày càng mạnh lên, đời sống tinh thần và vật chất của người dân ngày càng được nâng cao. Những thành tựu lớn lao đạt được trong những năm qua là hành trang để thành phố vững bước trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tiếp tục đóng vai trò là đầu tàu của Nam Bộ nói riêng và của cả nước nói chung trên con đường hội nhập quốc tế.

3. Kết luận

Nam bộ có vị trí, vai trò đặc biệt trong tiến trình hội nhập của Việt Nam vào khu vực và thế giới thời kỳ sau năm 1975, đặc biệt là trong thời kỳ Đổi mới. Nam bộ là vùng duy nhất hiện nay hội tụ đủ các điều kiện và lợi thế để phát triển công nghiệp, dịch vụ, đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa; đặc biệt phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp điện tử, tin học, công nghiệp dầu khí và sản phẩm hóa dầu; phát triển dịch vụ cao cấp, dịch vụ du lịch, dịch vụ viễn thông, tài chính, ngân hàng; nghiên cứu, ứng dụng và triển khai khoa học và công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao, giao lưu văn hóa mạnh mẽ với khu vực và thế giới.

Nam bộ có hệ thống kết cấu hạ tầng khá đồng bộ, tập trung các cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học, trung tâm y tế; nguồn nhân lực dồi dào và có kỹ năng khá nhất, do đó là địa bàn có môi trường đầu tư hấp dẫn nổi trội. Đây là trung tâm đầu mối dịch vụ và thương mại tầm cỡ khu vực và quốc tế, đặc biệt là dịch vụ du lịch, dịch vụ tài chính, ngân hàng, viễn thông, dịch vụ cảng... Đã hình thành mạng lưới đô thị vệ tinh phát triển xung quanh thành phố Hồ Chí Minh, liên kết bởi các tuyến trục và vành đai thông thoáng. Thông qua quá trình phát triển và hội nhập cùng cả nước, Nam Bộ đã hình thành hệ thống đào tạo và trung tâm nghiên cứu khoa học, trung tâm y tế có trình độ cao, đảm bảo đào tạo và cung cấp dịch vụ y tế cho cả vùng, là một trong 2 vùng có khu công nghệ cao và trung tâm tin học, đào tạo và sản xuất phần mềm của cả nước.

Không chỉ vậy, Nam bộ là vựa lúa lớn, sản xuất nông nghiệp lớn nhất của cả nước, Nam bộ là một vùng công nghiệp trọng yếu lớn nhất của cả nước, đã hình thành và liên kết mạng lưới các khu công nghiệp, khu chế xuất tập trung và phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn và cơ bản như: khai thác và chế biến dầu khí, luyện cán thép, năng lượng điện, công nghệ tin học, hóa chất cơ bản, phân bón và vật liệu... làm nền tảng công nghiệp hóa của vùng và của cả nước, là vùng duy nhất hiện nay của cả nước hội tụ đủ điều kiện và lợi thế cho phát triển công nghiệp và dịch vụ để có tăng trưởng nhanh, hiệu quả và bền vững, thúc đẩy tiến trình hội nhập của Việt Nam vào khu vực và thế giới.

Nhìn chung, hội nhập quốc tế chính là một

quy luật tất yếu của các quốc gia và mang tính chất phổ biến trên toàn thế giới ngày nay. Lịch sử đã chứng minh, sự hình thành và phát triển vùng đất Nam bộ luôn gắn liền với tiến trình lịch sử và vận mệnh của đất nước. Quá trình hội nhập kinh tế của Nam bộ với khu vực và thế giới theo các quy luật kinh tế thị trường với các chính sách đối ngoại đa dạng trên nền tảng đường lối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế của Việt Nam. Quá trình hội nhập này được đẩy mạnh từ năm 1986 đến nay, gắn liền với quá trình đổi mới của đất nước. Nội dung cốt lõi của hội nhập trong thời kỳ này là thực hiện tự do hóa, mở cửa thị trường, làm cho môi trường kinh doanh, đầu tư ở Nam bộ ngày càng thông thoáng, qua đó thúc đẩy việc trao đổi mậu dịch, đầu tư, dịch vụ, sở hữu trí tuệ... giữa Nam bộ với các nước trong khu vực và trên thế giới. Với việc tích cực, chủ động trong quá trình hội nhập kinh tế với khu vực và thế giới, Nam bộ, mà đầu tàu là thành phố Hồ Chí Minh, đã tăng nhanh chóng khối lượng buôn bán quốc tế của mình, thu hút một số lượng lớn FDI và ODA quan trọng vào Nam bộ, đồng thời tiếp thu nhiều tiến bộ khoa học

kỹ thuật, công nghệ hiện đại và phương thức quản lý tiên tiến của thế giới, phục vụ thiết thực cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, góp phần quan trọng vào sự phát triển chung của cả nước.

Bên cạnh đó, vùng đất Nam bộ với vai trò là nơi luôn đi đầu, chủ động và sáng tạo trong quá trình giao lưu, hội nhập văn hoá từ hơn 300 năm qua của cả nước sẽ có rất nhiều cơ hội và thách thức đang chờ đón trước mắt và trong tương lai. Phát huy những giá trị văn hoá truyền thống cùng với tiếp thu một cách có chọn lọc những tinh hoa, tiến bộ của văn hoá nhân loại, song song với việc kiên quyết chống lại và bài trừ những giá trị văn hoá ngoại lai, phân tiến bộ, đi ngược lại truyền thống văn hoá dân tộc là những giải pháp hết sức cần thiết tạo điều kiện cho văn hoá Nam bộ tiếp tục phát triển, tiếp tục đi đầu và mở rộng sự giao lưu và hội nhập văn hoá hơn nữa. Làm được như vậy sẽ giúp cho văn hoá chính là động lực, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và cũng chính là vì sự phát triển bền vững hơn cho thành phố trong những năm tiếp theo.

SOUTHERN VIETNAM IN THE CONTEXT OF INTERNATIONAL INTEGRATION ERA

Vo Van Sen, Tran Nam Tien

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

***ABSTRACTS:** The Southern part of the country is located directly in the Mekong sub-region with 3-side sea-contact. The location of the area can be considered the “heartland” of Southeast Asia which is very convenient for international trading activities of different countries, especially those from*

ASEAN including main land and maritime countries. The potentials of the area mentioned above have shown that the Southern part of Vietnam embraces strong geographical, biological and human resources as important conditions for the development of the country. The Southern part has long become great commodity economy area of the country which strongly focusing on exporting as well as contacting and integrating internationally at very early era. In the first decade of the 21st century, the Southern part of Vietnam still plays an important role in the context of international integration and development of the country in the era of industrializing and modernizing. This paper focuses on describing the process of integration of the Southern part of Vietnam in the context of industrialization and modernization era in Vietnam. Consequently, the paper concludes particular traits and foreseen issues regarding the development of the Southern part of Vietnam. Moreover, the role and contribution of this Southern part will be clarified during the common process of industrialization, modernization nation-wide in the new era.

Keywords: Southern of Vietnam, International Integration.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Vnexpress (Tin nhanh Việt Nam), 100 người giàu nhất Việt Nam trên sàn chứng khoán, <http://vnexpress.net/gl/kinh-doanh/2007/01/3b9f294c/>, ngày 23/1/2007.
- [2]. Cục xúc tiến thương mại, Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam: động lực phát triển của nền kinh tế, ngày 28/10/2011, <http://www.vietrade.gov.vn>
- [3]. K.V., Đông Nam bộ: Đầu tàu phát triển công nghiệp của cả nước, *Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam*, <http://www.cpv.org.vn>.
- [4]. Lê Anh, Khai nguồn phát triển kinh tế đối ngoại khu vực đồng bằng sông Cửu Long, *Báo Kinh tế Việt Nam*, số ra ngày 21/1/2012.
- [5]. Lê Hoàng Quân, Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục phấn đấu trở thành “đầu tàu” kinh tế của cả nước, *Tạp chí Cộng sản*, số 810 (4/2010).
- [6]. Lịch sử - văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh, <http://www.hochiminhcity.gov.vn/tho>
- nginthanhpho/gioithieu/Lists/Posts/AllPosts.aspx?CategoryId=11
- [7]. Mai Phương, Vùng Đông Nam bộ: Súc hút FDI, *Báo Kinh tế Việt Nam*, số ra ngày 30/3/2010. <http://www.ven.vn>.
- [8]. Mai Vọng, Cầu Phú Mỹ lên Discovery Channel, *Báo Thanh Niên điện tử*, ngày 10/5/2009, <http://www.thanhnien.com.vn>
- [9]. Nguyễn Đình Kháng, Thành phố Hồ Chí Minh phát huy vai trò "đầu tàu" kinh tế của cả nước, *Báo Nhân Dân điện tử*, ngày 30/11/2011, <http://www.baomoi.com>
- [10]. Nguyễn Hòa Bình, *Sẵn sàng đón nhà đầu tư*, Đài Tiếng nói Việt Nam, ngày 2/8/2009. <http://vov.vn/Kinh-te/San-sang-don-nha-dau-tu/118019.vov>.
- [11]. Nguyễn Trọng Minh, *Hoạt động kinh tế đối ngoại – động lực phát triển đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ hội nhập*, Kỷ yếu Hội thảo Việt Nam học lần thứ III: Việt Nam: Hội nhập và phát triển,

- Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, (2011).
- [12]. Nguyễn Trọng Minh, *Kinh tế đối ngoại đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ đổi mới – Kinh nghiệm và triển vọng*, NXB. Chính trị quốc gia, 78-83 (2011)
- [13]. Phan Dương, Thí điểm áp dụng chỉ số giá bất động sản tại TP. Hồ Chí Minh, *Thời báo Kinh tế Việt Nam điện tử*, ngày 27/8/2008, <http://vneconomy.vn>
- [14]. Phan Huy Lê, Báo cáo đề dẫn Đề án khoa học xã hội cấp Nhà nước: Quá trình hình thành và phát triển vùng đất Nam Bộ, *Lịch sử nghiên cứu và phương pháp tiếp cận*, NXB. Thế giới, (2008),
- [15]. Quốc Dũng, Tây Nam Bộ - 10 năm phát triển kinh tế, ngày 28/4/2012, <Http://thvl.vn/?p=184941>.
- [16]. Số liệu của Mạng Quảng bá Xúc tiến Thương mại “Vietnam Trade Fair”. <http://www.vietnamtradefair.com/xttm/cho.htm> (truy cập ngày 8/7/2012)
- [17]. Thạch Thảo, *Tây Nam bộ phải phát triển bền vững*, <http://www.nongnghiep.vn>.
- [18]. Thông tấn xã Việt Nam, Thành phố Hồ Chí Minh cùng cả nước vươn ra hội nhập kinh tế quốc tế, *Báo Nhân Dân điện tử*, ngày 30/11/2011, <http://www.baomoi.com>.
- [19]. Tổng cục Thống kê, *Báo cáo Tổng kết tình hình kinh tế - xã hội 10 năm 1991-2000*. <http://www.gso.gov.vn/>
- [20]. Trương Thị Kim Chuyên, *Lịch sử nghiên cứu và phương pháp tiếp cận*, NXB. Thế giới, (2008).
- [21]. V.L., *TP. Hồ Chí Minh trên đà phát triển*, http://dangcongsan.vn/cpv/Modules/News/NewsDetail.aspx?co-id=28340531&cn_id=519577.